

# BƯỚC ĐẦU PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM VÀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

Nguyễn Thị Vân Nga \*, Thân Thế Sơn Tùng \*

Nhận bài: 25/12/2023; Nhận kết quả bình duyệt: 02/07/2024; Chấp nhận đăng: 09/09/2024  
©2024 Trường Đại học Thăng Long

## Tóm tắt

Nghiên cứu này tiến hành phân tích sơ bộ về đặc điểm và hoạt động đào tạo của Trường Đại học Thăng Long, một trong những trường dân lập đầu tiên tại Việt Nam. Thành lập năm 1988, trường đã phát triển từ một trung tâm đại học dân lập thành cơ sở giáo dục hiện đại. Nghiên cứu tập trung vào cơ cấu tổ chức, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất của nhà trường. Phương pháp nghiên cứu kết hợp phân tích dữ liệu và khảo sát 120 sinh viên mới để đánh giá động lực và sự hài lòng. Kết quả cho thấy Đại học Thăng Long có mô hình quản trị linh hoạt, phương pháp giảng dạy tiên tiến và có đầu tư vào cơ sở vật chất tạo ra môi trường thân thiện, hiện đại. Tuy nhiên, trường phải đối mặt với thách thức như cạnh tranh trong giáo dục và nhu cầu cập nhật chương trình.

**Từ khóa:** Trường Đại học Thăng Long, Giáo dục đại học dân lập, Tổ chức đào tạo, giảng dạy, chương trình đào tạo

## 1. Giới thiệu

Hiền tài là nguyên khí quốc gia (Thân Nhân Trung, 1484). Nhìn nhận được vai trò của giáo dục từ xa xưa, ông cha ta đã luôn đề cao việc học tập, phát triển con người. Trường đại học đầu tiên của Việt Nam được xây dựng năm 1070 – Văn miếu - Quốc tử giám là một minh chứng rõ nét cho biểu

tượng văn hóa và nền tảng giáo dục vững chắc (Lê Hồng Hạnh, 2010). Việt Nam là một quốc gia có vị trí địa lý đặc biệt, là cửa ngõ phía đông của khu vực Đông Nam Á, thường xuyên bị rơi vào tầm ngắm của nhiều quốc gia. Dù trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc, hơn 100 năm đô hộ bởi thực dân Pháp và 30 năm dưới sự chiếm đóng của đế quốc

\* Trường Đại học Thăng Long

Mỹ, truyền thống hiếu học vẫn được gìn giữ và phát huy.

Năm 1070, Việt Nam đã thành lập trường đại học đầu tiên, mở ra cơ hội cho người dân được nâng cao học thức. Với nhu cầu học tập ngày càng tăng, từ năm 1902, nhiều trường đại học công lập đã được thành lập như Đại học Y dược Đông Dương (nay là Đại học Y Hà Nội) và Đại học Đông Dương (nay là Đại học Quốc gia Hà Nội). Đến nay, cả nước có hai đại học quốc gia, ba đại học vùng và tổng số 237 trường đại học và học viện (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023).

Mô hình các trường công lập truyền thống được nhà nước hỗ trợ mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng, với học phí thấp, và một số ngành còn miễn học phí. Tuy nhiên, hệ thống này gặp hạn chế về cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên, không đáp ứng đủ nhu cầu học tập ngày càng lớn. Cùng với sự phát triển kinh tế giai đoạn 1986-2000, với tốc độ tăng trưởng bình quân mỗi năm đạt 6,51%, Việt Nam đứng trước nhu cầu cấp thiết về nhân lực chất lượng cao, từ đó thúc đẩy sự ra đời của mô

hình giáo dục mới, linh hoạt và có tính tự chủ cao hơn.

Ngày 15/12/1988, Trung tâm Đại học Dân lập Thăng Long được thành lập, đánh dấu sự xuất hiện của mô hình đại học dân lập đầu tiên tại Việt Nam. Với khởi điểm là 74 sinh viên và mức học phí 10.000 đồng/tháng, Đại học Thăng Long phải tự trang trải các chi phí hoạt động và nhận sự hỗ trợ từ các nguồn quốc tế, đặc biệt là từ Pháp. Mặc dù gặp nhiều khó khăn ban đầu, trường đã có lễ khai giảng long trọng tại Văn Miếu Quốc Tử Giám vào tháng 2/1989, một sự kiện quan trọng được công bố rộng rãi trên truyền hình và báo chí cả nước.

Trường Đại học Thăng Long có những đặc điểm gì nổi bật và hoạt động hiện nay ra sao? Nghiên cứu này phân tích một số tài liệu lịch sử và báo cáo hành chính của trường, cùng với khảo sát sinh viên, để đưa ra cái nhìn tổng quan về hoạt động và ảnh hưởng của ngôi trường này. Đây là mô hình tiên phong đã phát triển thành công, mở ra con đường cho các trường đại học dân lập khác tại Việt Nam.

## 2. Tổng quan về các mô hình đào tạo đại học và Trường Đại học Thăng Long

Các mô hình đào tạo đại học trên thế giới rất đa dạng, phản ánh các mục tiêu giáo dục khác nhau. Mô hình đại học nghiên cứu tập trung vào nghiên cứu và đào tạo sau đại học, tiêu biểu là các trường như Harvard, MIT. Ngược lại, đại học ứng dụng chú trọng đào tạo kỹ năng thực tiễn, điển hình là các trường Fachhochschule ở Đức. Các trường đại học khai phóng tại Mỹ, như liberal arts colleges, cung cấp nền tảng kiến thức đa dạng và phát triển tư duy phản biện. Bên cạnh đó, trong thời đại số, mô hình đại học trực tuyến đang phát triển mạnh mẽ, mang lại cơ hội học tập linh hoạt cho người học.

Việc lập kế hoạch chiến lược cũng rất quan trọng trong quản lý giáo dục đại học. Theo Ansoff (2005), mô hình này bao gồm các bước từ phân tích chiến lược, thiết lập mục tiêu dài hạn, đến lập kế hoạch hành động để đáp ứng các yêu cầu của tổ chức. Quản lý chiến lược trong giáo dục đại học thường bao gồm ba cấp độ: tầm nhìn và sứ mệnh, mục tiêu chiến lược trung

hạn và kế hoạch thực thi chi tiết (Argyris & Schoen, 2006).

Về cơ cấu các trường đại học tại Việt Nam, Bảng 1 cho thấy số lượng các trường đại học tính đến năm 2020 là 237 trường. Trong đó tỷ lệ các trường ngoài công lập chiếm 27,4%. Như vậy tại Việt Nam đa phần các trường đại học là thuộc công lập. Số lượng sinh viên thuộc khối ngoài công lập chiếm 21,7% trong tổng số sinh viên cả nước. Trong cả hai giai đoạn 2018-2019, 2019-2020 thì tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học trên tổng số sinh viên của khối công lập đều cao hơn khối ngoài công lập do đó việc quản lý đầu ra sinh viên tốt nghiệp khối công lập đang tốt hơn. Tỷ lệ số sinh viên nữ trên tổng số sinh viên của khối ngoài công lập trong giai đoạn 2018-2019 lại cao hơn so với khối công lập và đang dần ở mức cân bằng giai đoạn 2019-2020. Điều này cho thấy được sự bình đẳng giới tính trong khối trường ngoài công lập khá cao. Về số lượng sinh viên tuyển mới qua các năm có xu hướng tăng nhưng số lượng sinh viên tốt nghiệp lại có xu hướng giảm do đó các trường cần có chính sách quản lý người học chặt chẽ hơn để đảm bảo cân bằng giữa đầu vào và đầu ra.

**Bảng 1: Số liệu chung giáo dục đại học Việt Nam**

	Năm học 2018-2019			Năm học 2019 - 2020		
	Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập	
<b>1 Số trường</b>	<b>237</b>	<b>172</b>	<b>65</b>	<b>237</b>	<b>172</b>	<b>65</b>
<b>2 Sinh viên tuyển mới đại học</b>	<b>413,277</b>	<b>324,707</b>	<b>88,570</b>	<b>447,483</b>	<b>350,186</b>	<b>97,297</b>
- Chính Quy	360,140	275,961	84,179	398,152	302,656	95,496
- Vừa làm vừa học	39,381	35,986	3,395	36,156	34,544	1,612
- Đào tạo từ xa	13,756	12,760	996	13,175	12,986	189
<b>3 Tuyển mới thạc sĩ, tiến sĩ</b>	<b>43,656</b>	<b>37,519</b>	<b>6,137</b>	<b>36,925</b>	<b>32,019</b>	<b>4,906</b>
- Học viên cao học	42,160	36,237	5,923	36,022	31,133	4,889
- Nghiên cứu sinh	1,496	1,282	214	903	886	17
	<b>1,526,11</b>					
<b>4 Quy mô sinh viên đại học</b>	<b>1</b>	<b>1,261,529</b>	<b>264,582</b>	<b>1,672,881</b>	<b>1,359,402</b>	<b>313,479</b>
- Nữ	780,289	641,744	138,545	912,660	743,272	169,388
- Dân tộc thiểu số	89,078	78,141	10,937	103,181	89,650	13,531
<i>Chia theo hình thức đào tạo</i>						
	1,346,54					
- Chính Quy	5	1,090,547	255,998	1,514,862	1,210,300	304,562
- Vừa làm vừa học	144,211	136,315	7,896	118,419	110,493	7,926
- Đào tạo từ xa	35,355	34,667	688	39,600	38,609	991
<b>Quy mô đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ,</b>	<b>108,134</b>	<b>95,464</b>	<b>12,670</b>	<b>105,974</b>	<b>93,527</b>	<b>12,447</b>
- Học viên cao học	97,134	84,706	12,428	94,920	82,723	12,197
- Nghiên cứu sinh	11,000	10,758	242	11,054	10,804	250
<b>6 Sinh viên tốt nghiệp đại học</b>	<b>311,599</b>	<b>266,970</b>	<b>44,629</b>	<b>263,172</b>	<b>218,251</b>	<b>44,921</b>
- Chính Quy	267,521	223,927	43,594	227,600	185,218	42,382
- Vừa làm vừa học	36,638	35,618	1,020	27,470	25,241	2,229
- Đào tạo từ xa	7,440	7,425	15	8,102	7,792	310
<b>7 Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên</b>	<b>83,587</b>	<b>64,772</b>	<b>18,815</b>	<b>85,091</b>	<b>65,948</b>	<b>19,143</b>
7.1 Cán bộ quản lý	727	543	184	848	630	218
7.2 Nhân viên	9,548	7,244	2,304	11,111	8,328	2,783
7.3 Giảng viên cơ hữu	73,312	56,985	16,327	73,132	56,990	16,142

(Nguồn: Bộ giáo dục và Đào tạo, 2023)

Tại Việt Nam, mô hình đại học dân lập đã phát triển mạnh từ cuối thế kỷ 20, với sự tiên phong của Trường Đại học Thăng Long. Khác với các trường công lập được nhà nước hỗ trợ trực tiếp, các trường dân lập phải tự chủ về tài chính và hoạt động. Đại học Thăng Long, từ khi thành lập năm 1988, đã trở thành hình mẫu thành công trong việc tự quản lý, tự tài trợ và phát triển.

Đến năm 2020, Việt Nam có 237 trường đại học, trong đó có 65 trường ngoài công lập, chiếm 27,4% tổng số. Số lượng sinh viên ngoài công lập chiếm 21,7% tổng số sinh viên cả nước (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023). Đại học Thăng Long đã phát triển vững chắc qua thời gian, đặc biệt trong việc xây dựng các chương trình đào tạo đa ngành, chất lượng, phù hợp

với nhu cầu thị trường lao động như truyền thông đa phương tiện, logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Sau 35 năm phát triển trường Đại học Thăng Long với sứ mạng hành động cho một nền đại học vì sự phát triển văn hóa, xã hội và kinh tế của đất nước. Phát triển các kỹ năng để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản trị đại học; đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số và phát triển các chương trình đào tạo kết hợp (trực tiếp và trực tuyến) dựa trên đào tạo trực tiếp; Bắt nhịp kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ, tạo ra môi trường đa liên kết, đa ngành nghề; chú trọng giáo dục văn hóa để sinh viên sau khi tốt nghiệp không chỉ vững kiến thức chuyên môn, thành thạo các kỹ năng mềm mà còn có phẩm chất và thái độ sống tốt, sẵn sàng bước vào thị trường lao động, đáp ứng những tiêu chuẩn ngày càng khắt khe của các nhà tuyển dụng; Tham gia vào sự phát triển của những trường đại học trên thế giới qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có thể học hay làm việc môi trường quốc tế.

Tầm nhìn của trường phấn đấu trở thành một đại học theo đúng nghĩa, với ba điều cơ bản: Có cơ sở tốt để liên kết với thế giới trong và ngoài nước;

Mọi người làm việc hiệu quả và sáng tạo trên nền tảng của cơ sở vật chất; Có khả năng quản lý, tranh thủ tối đa nền tảng về con người và cơ sở vật chất để thực hiện trách nhiệm xã hội ở mức cao và loại bỏ các mặt tiêu cực. Chương trình 100 năm: Giai đoạn 1: 20 năm tập trung xây dựng cơ sở Trường (1988-2008); Giai đoạn 2: 40 năm tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên (2008-2048); Giai đoạn 3: 40 năm xây dựng đội ngũ nghiên cứu khoa học (2048-2088).

Giá trị cốt lõi: Giảng viên yêu nghề, có năng lực, có ý chí và khát vọng, có tư duy hiện đại. Sinh viên trở thành công dân có ích cho xã hội, yêu lao động, chăm chỉ, có trách nhiệm sâu sắc đối với công việc, có tinh thần cảm thông, bao dung, giúp đỡ mọi người (Trường Đại học Thăng Long, 2021).

Chất lượng đào tạo của Nhà trường được xã hội công nhận, doanh nghiệp đánh giá cao. Sinh viên tốt nghiệp các chương trình đào tạo tại trường Đại học Thăng Long tham gia quản lý tại nhiều doanh nghiệp lớn trong và nước ngoài, làm chủ các doanh nghiệp tạo ra lượng lớn công ăn việc làm cho người lao động, là những công dân có ích cho đất nước, là đội ngũ nhân lực chất lượng cao phát triển kinh tế Việt Nam hùng mạnh. Đó chính là nguyện vọng tha thiết mà Nhà giáo nhân dân, GS.TSKH. Hoàng Xuân

Sính luôn đau đáu như trong lời chia sẻ “Mong muốn có một nền giáo dục lành mạnh, tốt và tạo ra những công dân lương thiện và giỏi”.

Mô hình đại học dân lập như Đại học Thăng Long có nhiều ưu điểm, bao gồm khả năng tự chủ, linh hoạt trong việc quản lý, và nhanh chóng thích ứng với nhu cầu thị trường. Trường có thể tự thiết kế các chương trình đào tạo phù hợp với xu hướng xã hội, đồng thời hợp tác với doanh nghiệp và ứng dụng các công nghệ hiện đại vào giảng dạy. Tuy nhiên, so với các trường công lập, các trường dân lập phải đối mặt với nhiều thách thức về tài chính và cơ sở vật chất.

Số lượng sinh viên tuyển sinh của Nhà trường duy trì ổn định hàng năm ở mức khoảng 3000 sinh viên/năm. Hiện nay trường đào tạo 24 ngành thuộc 10 lĩnh vực. Điểm tuyển sinh đầu vào các ngành đào tạo của Nhà trường có xu hướng tăng qua các năm và đang duy trì ở mức cao. Một số ngành đào tạo có điểm trúng tuyển theo điểm tốt nghiệp THPT ở mức cao là 26,23 điểm như ngành Truyền thông đa phương tiện. Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng cũng duy trì điểm tuyển sinh cao từ khi mở ngành năm 2019 ở mức 25,05 điểm.

**Bảng 2: Công bố điểm trúng tuyển năm 2023 của trường Đại học Thăng Long**

Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm trúng tuyển (thang điểm 30)	
			PT1/PT6	PT2
<b>LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT</b>				
7220201	Thiết kế đồ họa	H00 <sup>(*)</sup> , H01 <sup>(*)</sup> , H04 <sup>(*)</sup> , V00 <sup>(*)</sup>	18.00	-
<b>LĨNH VỰC NHÂN VĂN</b>				
7220201	Ngôn ngữ Anh	D01 <sup>(*)</sup> , D78 <sup>(*)</sup> , D90 <sup>(*)</sup> , D96 <sup>(*)</sup>	24.50	25.99
7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01, D04 <sup>(*)</sup> , D78, D96	25.18	26.20
7220209	Ngôn ngữ Nhật	D01, D06 <sup>(*)</sup> , D78, D96	23.63	25.01
7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	D01, DD2 <sup>(*)</sup> , D78, D96	24.91	26.08
<b>LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ HÀNH VI</b>				
7310106	Kinh tế quốc tế	A00, A01, D01, D90	24.78	25.52
7310630	Việt Nam học	C00, D01, D14, D15	22.50	23.56
<b>LĨNH VỰC BÁO CHÍ VÀ TRUYỀN THÔNG</b>				
7320104	Truyền thông đa phương tiện	A00, A01, C00, D01	25.89	26.23
<b>LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ</b>				
7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D90	24.54	25.17
7340115	Marketing	A00, A01, D01, D90	25.41	25.82
7340122	Thương mại điện tử	A00, A01, D01, D90	24.97	25.59
7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00, A01, D01, D90	24.49	25.31
7340301	Kế toán	A00, A01, D01, D90	24.35	25.10
<b>LĨNH VỰC PHÁP LUẬT</b>				
7380107	Luật kinh tế	A00, A01, C00, D01	23.96	24.05
<b>LĨNH VỰC MÁY TÍNH VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>				
7480101	Khoa học máy tính	A00 <sup>(*)</sup> , A01 <sup>(*)</sup>	23.66	24.42
7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	A00 <sup>(*)</sup> , A01 <sup>(*)</sup>	23.46	24.10
7480104	Hệ thống thông tin	A00 <sup>(*)</sup> , A01 <sup>(*)</sup>	23.29	24.23
7480201	Công nghệ thông tin	A00 <sup>(*)</sup> , A01 <sup>(*)</sup>	24.02	24.86
7480207	Tri tuệ nhân tạo	A00 <sup>(*)</sup> , A01 <sup>(*)</sup>	22.93	23.49
<b>LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT</b>				
7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00, A01, D01, D90	24.77	25.05
<b>LĨNH VỰC SỨC KHỎE</b>				
7720301	Điều dưỡng	B00	19.00	-
<b>LĨNH VỰC DU LỊCH, KHÁCH SẠN, THỂ THAO VÀ DỊCH VỤ CÁ NHÂN</b>				
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, A01, C00, D01	23.84	24.49
7810201	Quản trị khách sạn	A00, A01, C00, D01	24.10	24.55

Mã phương thức xét tuyển: PT1 - Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT; PT2 - Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế; PT6 - Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu.  
 (\*) Tổ hợp có môn hệ số 2 - H00: Năng khiếu về Nghệ thuật 1, Năng khiếu về Nghệ thuật 2; H01: Vẽ; H04: Vẽ Năng khiếu; V00: Vẽ Hình họa mỹ thuật; A00, A01: Toán; D01, D78, D96: Tiếng Anh; D04: Tiếng Trung; D06: Tiếng Nhật; DD2: Tiếng Hàn

(Nguồn: Trường Đại học Thăng Long, 2023)

Như vậy, Trường Đại học Thăng Long đã thành công trong việc phát triển và duy trì chất lượng đào tạo, trở thành sự lựa chọn uy tín cho sinh viên. Trường đã góp phần xây dựng một mô hình giáo dục tiên phong, mở ra cơ hội cho sự phát triển của hệ thống đại học dân lập tại Việt Nam.

### 3. Hoạt động đào tạo tại trường

#### 3.1 Cơ sở vật chất cho đào tạo

Trường có cơ sở vật chất hiện đại với nhiều khu thực hành, mô phỏng cho sinh viên được ứng dụng các kiến thức vào thực tiễn ngay tại trường. Các công nghệ, phần mềm sử dụng trong học tập hiện đại được ứng dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực và có cả những công nghệ mới như AI nhận diện khuôn mặt, các phần mềm như Warehouse Management System, Corebanking...



**Hình 1: Trường quay Thăng Long Studio**



**Hình 2: Trung tâm thực hành tài chính và ngân hàng giả lập trường Đại học Thăng Long**



**Hình 3: Tầng thực hành nhà hàng, khách sạn**



**Hình 4: Các sự kiện văn hóa sinh viên thường niên**

(Nguồn: Trường Đại học Thăng Long, 2023)

### **3.2 Khảo sát sinh viên**

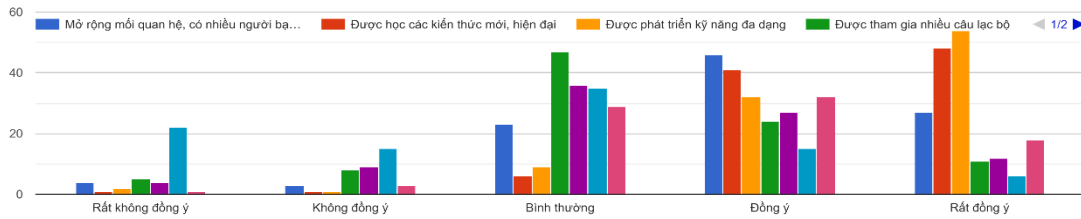
Để làm rõ hơn quan quan điểm người học trong việc đi học đại học và lựa chọn trường Đại học Thăng Long cho quá trình học, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng link google form tới các tân sinh viên của trường bằng cách ngẫu nhiên. Số quan sát thu về là 120 phiếu đều có ý nghĩa quan sát.

Nghiên cứu đã đặt ra câu hỏi về mong muốn đạt được khi học đại học của sinh viên là gì? Phần lớn các sinh viên đều chọn mức đồng ý rất cao về việc mong muốn được phát triển kỹ năng đa dạng; tiếp đó là mong muốn được học các kiến thức mới, hiện đại; mong muốn được mở rộng mối quan hệ, có nhiều người bạn mới.



### Hình 5: Mong muốn đạt được khi học đại học của sinh viên

Mong muốn đạt được khi học đại học của bạn là gì?

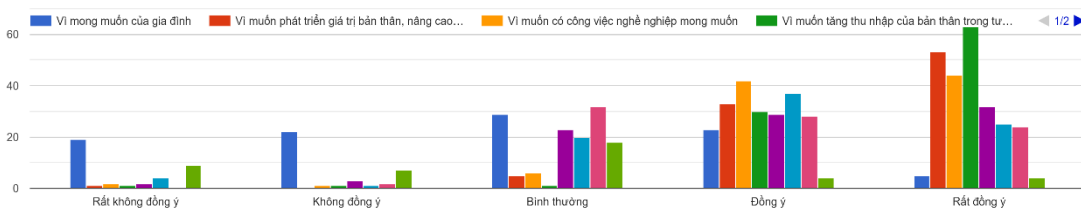


(Nguồn: Khảo sát)

Động lực để sinh viên chọn học đại học phần lớn là muốn tăng thu nhập của bản thân trong tương lai, muốn phát triển giá trị bản thân và nâng cao trình độ văn hóa và muốn có công việc nghề nghiệp mong muốn.

### Hình 6: Đây là lý do sinh viên chọn học đại học

Đây là lý do bạn chọn học đại học? Bạn hãy chọn 1 trong 5 cấp độ từ 1 (Rất không đồng ý) đến 5 (Rất đồng ý)

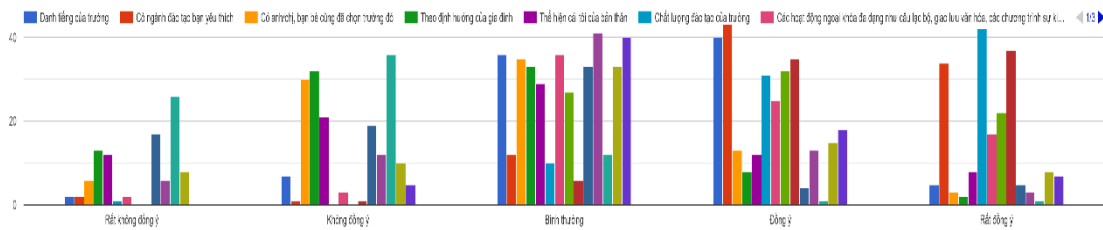


(Nguồn: Khảo sát)

Để đánh giá quan điểm lựa chọn trường đại học, dựa trên kết quả khảo sát cho thấy chất lượng đào tạo của Nhà trường được sinh viên đánh giá rất cao và là động lực lớn để sinh viên lựa chọn. Bên cạnh đó thì trường có những ngành đào tạo mới mà sinh viên yêu thích, điển hình như một số ngành truyền thông đa phương tiện, ngành âm nhạc ứng dụng, ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng...là những ngành đào tạo mới tại Việt Nam và nhu cầu nhân lực rất cao. Ngoài ra nhà trường có các hoạt động kết nối doanh nghiệp, đảm bảo cơ hội thực tập tại doanh nghiệp; vì danh tiếng của trường; nhà trường có các hoạt động ngoại khóa đa dạng như câu lạc bộ, giao lưu văn hóa các chương trình sự kiện ca múa hát cũng là những yếu tố mà sinh viên chọn mức đánh giá rất đồng ý và đồng ý cao.

### Hình 7: Tiêu chí chọn trường đại học của sinh viên

Việc chọn trường đại học của bạn dựa vào tiêu chí nào?

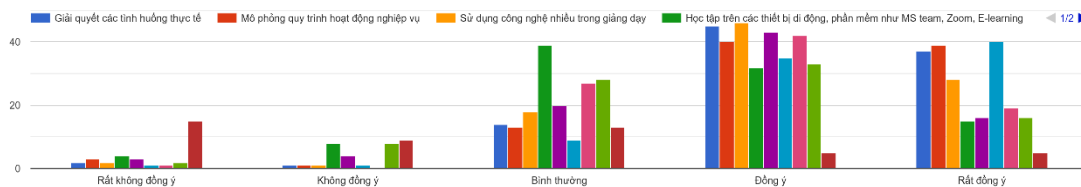


(Nguồn: Khảo sát)

Dựa trên việc tìm hiểu nhu cầu của sinh viên sẽ giúp trường đại học đưa ra các chiến lược, hoạt động phù hợp để sinh viên cảm thấy thỏa mãn trong quá trình học đại học. Tại trường Đại học Thăng Long hiện nay đã triển khai rất nhiều hoạt động giảng dạy, đa dạng chương trình học tập, triển khai hoạt động ngoại khóa, kết nối doanh nghiệp đáp ứng được mong muốn của người học.

### Hình 8: Hoạt động dạy học khiến sinh viên hứng thú trong học tập

Hoạt động dạy học nào dưới đây khiến bạn cảm thấy hứng thú trong học tập?



(Nguồn: Khảo sát)

Biểu đồ trên thể hiện mức độ hứng thú của sinh viên đối với các hoạt động dạy học khác nhau, bao gồm giải quyết các tình huống thực tế, mô phỏng quy trình nghiệp vụ, sử dụng công nghệ nhiều trong giảng dạy, và học tập trên các thiết bị di động. Kết quả cho thấy, sinh viên có xu hướng đánh giá cao những phương pháp giảng dạy liên quan đến công nghệ và tình huống thực tế. Đặc biệt, hoạt động giải quyết tình huống thực tế được nhiều sinh viên "rất đồng ý", thể hiện mức độ hứng thú cao. Hai hoạt động sử dụng công nghệ và học tập trên các thiết bị di động cũng nhận được sự ủng hộ lớn, khi phần đông sinh viên đồng ý rằng những phương pháp này giúp họ cảm thấy hứng thú trong học tập. Ngược lại, mô phỏng quy trình nghiệp vụ ít được yêu thích hơn, với đa số phản hồi ở mức trung bình hoặc không đồng ý. Nhìn chung, sinh viên đánh giá tích cực các hoạt động ứng dụng công nghệ và thực

hành thực tế, cho thấy xu hướng giảng dạy hiện đại đang đáp ứng tốt nhu cầu học tập của họ.

Hiện nay giáo dục đại học trên thế giới đang có xu hướng áp dụng những công nghệ sáng tạo mới để tạo ra những sản phẩm giáo dục hiện đại, hiệu quả.

Bảng 3 tổng hợp một số sáng kiến liên quan:

**Bảng 3: Sáng kiến số trong giáo dục**

Sáng kiến số	Tác giả
Lớp học kết hợp và ảo	Hofmann, 2018; Kennedy & Ferdig, 2018; Pearson, 2018
Thực tế ảo, tăng cường và hỗn hợp	Dede và cộng sự, 2017
Học tập cá nhân hóa	Friend và cộng sự, 2017
Học tập phát triển hợp tác	Cavanaugh, Kelley, & McCarthy, 2018
Học tập xã hội và cảm xúc	Low và cộng sự, 2019
Học tập trên thiết bị di động	McCarthy và cộng sự, 2019

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

Xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đại học: cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 dựa trên các công nghệ IoT, AI, Block chain, big data đang dẫn đến những thay đổi đáng kể về hệ thống, phương pháp tiếp cận và hệ thống quản lý mới với vô số ý nghĩa đối với cuộc sống con người. Sự tiến hóa xã hội từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp và từ xã hội thông tin sang xã hội tri thức không chỉ làm thay đổi hệ thống sản xuất mà còn làm thay đổi cách xã hội giải quyết các lĩnh vực khác như giáo dục, y tế và môi trường. Trong lĩnh vực giáo dục, không giống như các phương pháp giáo dục định hướng ghi nhớ, giáo dục 4.0 là hệ thống giáo dục dựa trên trải nghiệm

mới sử dụng công nghệ và đáp ứng mong đợi của thế giới ngày nay trong khuôn khổ nhu cầu giáo dục cá nhân hóa. Giáo dục 4.0 và kinh tế tri thức cần ngày càng ít việc làm hơn những gì cá nhân biết (khái niệm và lý thuyết) và ngày càng nhiều hơn về cách mọi người sử dụng, theo cách có thể tương tác, kỹ năng, kiến thức và công nghệ số. Giáo dục 4.0 đang thúc đẩy nền giáo dục mô hình mới dựa trên việc áp dụng các kỹ năng liên quan và dựa trên nhu cầu cải thiện và tái chuẩn hóa, quên đi và học lại (Hong & Ma, 2020). Chuyển đổi số theo hướng giáo dục 4.0 phải giải quyết một cách toàn diện: sử dụng công nghệ số và có tính đến đặc thù của sinh

viên; việc áp dụng tổ chức các quy trình và thực tiễn phù hợp với các mối quan hệ xã hội và công việc mới; giáo viên được trang bị kỹ năng số để giảng dạy cho sinh viên; trang bị cho sinh viên với các kỹ năng số, nhận thức, xã hội và cảm xúc cần thiết cho học tập và làm việc trong thế kỷ 21; việc áp dụng các phương pháp sư phạm đổi mới tập trung vào việc chuyển giao và thu thập kiến thức theo yêu cầu để giải quyết một vấn đề hoặc thực hiện một nhiệm vụ. Trong số các động lực công nghệ chính của chuyển đổi số trong giáo dục là phần mềm giáo dục.

Chuyển đổi số trong giáo dục là việc tái tổ chức các mô hình giáo dục sử dụng công nghệ số để thu hút sinh viên, giáo viên, phụ huynh và lãnh đạo hiệu quả hơn ở mọi thời điểm trong hành trình học tập của sinh viên với hệ thống thông tin mới, trải nghiệm cá nhân hóa và phân tích dữ liệu. Tầm nhìn tổng thể và mục đích của giáo dục có tính nhất quán toàn cầu với trọng tâm là cải thiện tỷ lệ tốt nghiệp, tăng khả năng tính toán và đọc viết, lợi ích của sinh viên và kỹ năng trong tương lai. Công nghệ mang lại những trải nghiệm dạy và học mới thông qua thực tế tăng cường, thực tế ảo, thực tế hỗn hợp và trực tuyến hoặc học tập tổng hợp.

Ở Trường Đại học Thăng Long, các hoạt động đi thực tập tại doanh nghiệp; mô phỏng quy trình nghiệp

vụ; giải quyết các tình huống thực tế; sử dụng công nghệ trong giảng dạy; sử dụng chatbot, AI trong giảng dạy... là các hoạt động mà sinh viên cảm thấy hứng thú nhiều nhất trong học tập. Điều này cũng gợi mở thêm ứng dụng chuyển đổi số trong giáo dục đại học và cũng có thể thấy khả năng thích ứng của trường trong thời đại số.

#### **4. Kết luận**

Kết luận, nghiên cứu này đã phân tích chi tiết về cơ cấu tổ chức, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và kết quả khảo sát sinh viên tại Trường Đại học Thăng Long. Là một trong những trường dân lập đầu tiên tại Việt Nam, trường Đại học Thăng Long đã phát triển thành một cơ sở giáo dục hiện đại với mô hình quản trị linh hoạt, phương pháp giảng dạy tiên tiến, và đầu tư mạnh vào cơ sở vật chất, tạo ra môi trường học tập thân thiện và hiện đại.

Khảo sát 120 sinh viên mới cho thấy, chất lượng đào tạo, cơ hội thực tập và danh tiếng của nhà trường là những yếu tố chính thu hút sinh viên lựa chọn học tại đây. Đặc biệt, các ngành học mới như Truyền thông đa phương tiện, Logistics và quản lý

chuỗi cung ứng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, là những lĩnh vực được sinh viên đánh giá cao. Phần lớn sinh viên bày tỏ mong muốn được phát triển kỹ năng đa dạng, tiếp cận kiến thức hiện đại và mở rộng mối quan hệ xã hội. Ngoài ra, sinh viên đánh giá rất cao phương pháp giảng dạy sử dụng công nghệ và thực tiễn, đặc biệt là các hoạt động giải quyết tình huống thực tế và thực tập tại doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trường Đại học Thăng Long vẫn đối mặt với những thách thức như cạnh tranh gia tăng trong giáo dục đại học và yêu cầu liên tục cải tiến, cập nhật chương trình đào tạo. Để duy trì và phát triển, trường cần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, áp dụng giáo dục 4.0 nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sinh viên và thị trường lao động hiện đại.

Nhìn chung, Trường Đại học Thăng Long đã khẳng định vị thế của mình trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và với chiến lược phát triển bền vững, trường sẽ tiếp tục là sự lựa chọn uy tín của sinh viên trong tương lai.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ansoff, H. I. (2005). *Corporate Strategy*. New York: McGraw-Hill.

Argyris, C., & Schoen, D. (2006). *Organizational Learning II. Theory, Method, and Practice*. Reading, MA: Addison-Wesley

Bộ giáo dục và Đào tạo. (2023). <https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ko-giao-duc-dai-hoc.aspx>, Truy cập 12/10/2023.

Cavanaugh, C., Kelley, G., & McCarthy, A. (2021). Implementing New Technologies to Enhance Professional Learning. In *Best Practices in Professional Learning and Teacher Preparation* (pp. 173-185). Routledge.

Dede, C., Grotzer, T. A., Kamarainen, A., & Metcalf, S. (2017). EcoXPT: Designing for deeper learning through experimentation in an immersive virtual ecosystem. *Journal of Educational Technology & Society*, 20(4), 166-178.

Friend, B., Patrick, S., Schneider, C., & Vander Ark, T. (2017). What's possible with personalized learning. *An Overview of Personalized Learning for Schools, Families & Communities*. iNACOL, Vienna, Austria.

Hofmann, J. (2018). *Blended learning*. American Society for Training and Development.

Hong C., Ma W.W.K. (2020). Introduction: Education 4.0: Applied Degree Education and the Future of Work. In: Hong C., Ma W. (eds) *Applied Degree Education and the Future of Work*. Lecture Notes in Educational Technology. Springer, Singapore.

[https://doi.org/10.1007/978-981-15-3142-2\\_1](https://doi.org/10.1007/978-981-15-3142-2_1).

Kennedy, K., & Ferdig, R. E. (Eds.). (2018). *Handbook of research on K-12 online and blended learning* (2nd ed.)

Figshare

[https://figshare.com/articles/Handbook\\_of\\_Research\\_on\\_K12\\_Online\\_and\\_Blended\\_Learning\\_Second\\_Edition\\_/6686813](https://figshare.com/articles/Handbook_of_Research_on_K12_Online_and_Blended_Learning_Second_Edition_/6686813).

10. Low, S., Smolkowski, K., Cook, C., & Desfosses, D. (2019). Two-year impact of a universal social-emotional learning curriculum: Group differences from developmentally sensitive trends over time. *Developmental Psychology*, 55(2), 415–433.

<https://doi.org/10.1037/dev0000621>

McCarthy, A., Maor, D., & McConney, A. (2019). Transforming mobile learning and digital pedagogies: An investigation of a customized professional development program for teachers in a hospital school. *Contemporary Issues in Technology and Teacher Education*, 19(3), 498-528.

Lê Hồng Hạnh. (2010). Văn miếu Quốc Tử Giám và vấn đề đào tạo nhân tài,

[https://tuyengiao.vn/thanglonghanoi/thanglonghanoi/van-mieu-quoc-tu-giam-va-van-de-dao-tao-nhan-tai-](https://tuyengiao.vn/thanglonghanoi/thanglonghanoi/van-mieu-quoc-tu-giam-va-van-de-dao-tao-nhan-tai-24410)

[24410](https://tuyengiao.vn/thanglonghanoi/thanglonghanoi/van-mieu-quoc-tu-giam-va-van-de-dao-tao-nhan-tai-24410) Truy cập 11/10/2023.

Link khảo sát. (2023). <https://forms.gle/jsnDKmqbNMEX8FmQ6>

Nguyễn Thị Hương. (2020). Những dấu ấn quan trọng về kinh tế - xã hội trong hành trình 75 năm thành lập và phát triển đất nước qua số liệu thống kê. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 25/2020*.

McCarthy, A., Maor, D., & McConney, A. (2019). Transforming mobile learning and digital pedagogies: An investigation of a customized professional development program for teachers in a hospital school. *Contemporary Issues in Technology and Teacher Education*, 19(3), 498-528.

Oliveira, K. K. D. S., & de SOUZA, R. A. (2022). Digital transformation towards education 4.0. *Informatics in Education*, 21(2), 283-309.

16. Pearson. (2018). *Connections Academy. Full-time virtual school for grades K-12*.

<https://www.pearson.com/content/dam/one-dot-com/one-dotcom/global/Files/efficacy-and->

research/reports/audited/Connections-Academy-research-report.pdf.

Schreyoegg, G. (2002). Strategie folgt Struktur-Lektionen aus einem empirischen Befund für eine neue Theorie der Unternehmenssteuerung. In Boehler, H. (ed.) *Marketing-Management und Unternehmensführung*, 35-50, Stuttgart: Schaeffer-Poeschel.

Taylor, J., & Machado, M. D. L. (2006). Higher education leadership and management: From conflict to interdependence through strategic planning. *Tertiary Education and Management*, 12(2), 137-160.

Tạp chí Thông tin đối ngoại và khoa học viện chính sách, pháp luật và quản lý. (2020). GS. TSKH.NGND Hoàng Xuân Sính: Tâm huyết vì nền

giáo dục nước nhà. <https://vietnamhoinhap.vn/vi/gstsk-hngnd-hoang-xuan-sinh-tam-huyet-vi-nen-giao-duc-nuoc-nha-22070.htm> Truy cập 11/10/2023.

Thân Nhân Trung. (1484). Đề tên Tiến sĩ Khoa Nhâm Tuất niên hiệu Đại bảo thứ 3.

Trường Đại học Thăng Long. (2021). Quyết định số 21701906/QĐHĐT- ĐHTL ngày 19 tháng 07 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng trường.

Trường Đại học Thăng Long. (2023). <https://thanglong.edu.vn/vi/gioi-thieu/co-so-vat-chat#popup-showContentPost> Truy cập 12/10/2023.

